

LÝ LỊCH KHOA HỌC CỦA CÁ NHÂN



1. Họ và tên: NGUYỄN CÔNG OÁNH

2. Năm sinh: 10/04/1982

3. Nam/Nữ: Nam

4. Học hàm: Năm được phong học hàm:.....

Học vị:.....**Thạc sĩ tại Bỉ**.....Năm đạt học vị:**2011**.....

Học vị:.....**Thạc sĩ tại Việt Nam**.....Năm đạt học vị:**2012**.....

Học vị:.....**Tiến sĩ**.....Năm đạt học vị:

5. Chức danh nghiên cứu: Nghiên cứu viên Chức vụ:

6. Địa chỉ nhà riêng: Đội 12B Thôn Thuận Tồn, xã Đa Tồn, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội.

7. Điện thoại: CQ: +84-438767361 ; NR: ; Mobile: 0975 1 9 1982

8. Fax: +84-438767361; Email: ncoanh@vnu.edu.vn or ncoanh@gmail.com

9. Tổ chức - nơi làm việc của cá nhân:

Tên tổ chức: **Học viện Nông nghiệp Việt Nam (VNUA)**

Tên người Lãnh đạo của tổ chức: **GS. TS Nguyễn Thị Lan – Giám đốc**

Nơi làm việc : Trung tâm nghiên cứu liên ngành PTNT, khoa Chăn nuôi, VNUA

Tên người lãnh đạo nơi làm việc: **GS. TS Vũ Đình Tôn – Giám đốc**

Điện thoại nơi làm việc: 02438767361

Địa chỉ tổ chức: Trâu Quỳ - Gia Lâm – Hà Nội

10. Quá trình đào tạo

Bậc đào tạo	Nơi đào tạo	Chuyên môn	Năm tốt nghiệp
Đại học	Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội	Chăn nuôi thú y	2004
Thạc sĩ	Trường Đại học Liège-Gembloux Agro Bio Tech, Vương quốc Bỉ	Khoa học Nông nghiệp và Công nghệ sinh học	2011
Thạc sĩ	Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội	Khoa học động vật	2012
Tiến sĩ	Trường Đại học Liège,	Dinh dưỡng vật nuôi	01/2016 - nay

	Vương quốc Bỉ		
Thực tập sinh khoa học	Trường Đại học Liège, Vương quốc Bỉ	Phương pháp đánh giá chất lượng cảm quan của thịt gia súc gia cầm	8/1-5/4/2008
	Tổ chức NC Nông nghiệp quốc tế (CIRAD)	Phương pháp phân tích rủi ro trong chăn nuôi	29/10-30/11/2009

Tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn

STT	Khóa học	Nơi đào tạo	Thời gian	Người giảng dạy	Bằng/chứng chỉ
1.	Nghiên cứu tài liệu và sử lý thông tin	Đại học Nông nghiệp Hà Nội	Từ 18-22/03/2013	Giáo sư Đặng Vũ Bình và PGS Hoàng Đức Liên - HUA	Chứng chỉ
2.	Viết Dự án nghiên cứu	Đại học Nông nghiệp Hà Nội	Từ 04-15/03/2013	Giáo sư Philippe LEBAILLY Đại học Liège-Bỉ và PGS Vũ Đình Tôn - HUA	Chứng chỉ
3.	Phân tích rủi ro lây lan dịch bệnh ở gia súc, gia cầm	Đại học Nông nghiệp Hà Nội	Từ 24-29/01/2013	Giáo sư Marius GILBERT Đại học Tự do Bruxells-Bỉ	Chứng chỉ
4.	Phân tích hệ thống và mô hình hóa	Đại học Nông nghiệp Hà Nội	Từ 27/01-09/03/2012	Giáo sư Hanert Emmanuel Andre Marie - trường Đại học Louvain, Vương quốc Bỉ	Chứng chỉ
5.	Phương pháp chuyển giao kỹ thuật và môi trường nông thôn	Đại học Nông nghiệp Hà Nội	Từ 19-23/03/2012	PGS Vũ Đình Tôn và GS Đỗ Kim Chung, trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội	Chứng chỉ
6.	Thông tin khoa học thông qua nói và viết	Đại học Nông nghiệp Hà Nội	Từ 13-16/03/2012	Giáo sư VERHGGEN François-Đại học Gembloux-Vương quốc Bỉ	Chứng chỉ
7.	Phương pháp thí nghiệm và điều tra nghiên cứu	Đại học Nông nghiệp Hà Nội	Từ 04-17/01/2010	Giáo sư Eric Boulengé - trường Đại học Louvain, Vương quốc Bỉ	Chứng chỉ
8.	Phân tích mạng lưới xã hội	Đại học Nông nghiệp Hà Nội	Tháng 4/2009	TS Raphael Duboz và TS Stéphanie Desvaux – CIRAD (Pháp)	

9.	Cơ sở dữ liệu và phân tích thống kê	Đại học Nông nghiệp Hà Nội	Từ 26/03-01/4/2009	Giáo sư Frédéric FARNIR- Đại học Liège-Vương quốc Bỉ	Chứng chỉ
10.	Nghiên cứu tài liệu và xử lý thông tin	Đại học Nông nghiệp Hà Nội	Từ 01-21/03/2009	Giáo sư Sandrine VANDENPUT - Đại học Liège-Vương quốc Bỉ	Chứng chỉ
11.	Viết Dự án nghiên cứu	Đại học Nông nghiệp Hà Nội	Từ 23/02-6/03/2009	Giáo sư André NSABIMANA Đại học Louvain-Bỉ	Chứng chỉ
12.	Phương pháp thí nghiệm cho chăn nuôi thú y	Đại học Nông nghiệp Hà Nội	Từ 7-11/5/2007	Giáo sư Frédéric FARNIR- Đại học Liège-Vương quốc Bỉ	Chứng chỉ
13.	Vi sinh vật thực phẩm- Phương pháp kiểm tra và xác định	Đại học Nông nghiệp Hà Nội	Từ 02-05/4/2007	Giáo sư Jacques MAHILLON- Đại học Louvain-Bỉ	Chứng chỉ
14.	Công nghệ thịt	Đại học Nông nghiệp Hà Nội	Từ 12-16/03/2007	Giáo sư Antoine CLINQUART- Đại học Liège-Bỉ	Chứng chỉ
15.	Di truyền số lượng ứng dụng vào cải tiến giống gia súc và bảo tồn vốn gen	Đại học Nông nghiệp I- Hà Nội	Từ 15-19/5/2006	Giáo sư Philippe BARET-Đại học Louvain-Bỉ	Chứng chỉ
16.	Áp dụng lý thuyết trò chơi vào phát triển nông thôn	Đại học Nông nghiệp I- Hà Nội	Từ 6-9/03/2006	Giáo sư Frédéric GASPART – Đại học Louvain-Bỉ	Chứng chỉ
17.	Bệnh lý học virus ở lợn, gia cầm và bò	Đại học Nông nghiệp I- Hà Nội	Từ 13-16/12/2005	Giáo sư Desmecht DANIEL-Đại học Liège-Bỉ	Chứng chỉ
18.	Sử dụng thức ăn bổ sung trong chăn nuôi	Đại học Nông nghiệp I- Hà Nội	Từ 21-24/03/2005	Giáo sư André THEWIS-Đại học Gembloux-Bỉ	Chứng chỉ
19.	Kinh tế ngành hàng các sản phẩm nông nghiệp	Đại học Nông nghiệp I- Hà Nội	Từ 29/11-03/12/2004	Giáo sư Phillipe BURNY-Đại học Gembloux-Bỉ	Chứng chỉ

11. Quá trình công tác

Thời gian (Từ năm ... đến năm...)	Vị trí công tác	Tổ chức công tác	Địa chỉ Tổ chức
2004 - nay	Nghiên cứu viên	Trung tâm Nghiên cứu Liên ngành Phát triển Nông thôn	Học viện Nông nghiệp Việt Nam

12. Các công trình công bố (liệt kê các công trình đã công bố)

TT	Tên công trình (bài báo, công trình...)	Là tác giả hoặc là đồng tác giả công trình	Nơi công bố (tên tạp chí đã đăng công trình)	Năm công bố
1.	Effects of feeding diets containing rice distiller's by-product on growth performance, carcass characteristics and meat quality of fattening pigs	Oanh NGUYEN CONG , Luc Do Duc, Dang Pham Kim, Jérôme Bindelle, Ton Vu Dinh, Jean-Luc Hornick	Proceedings of international conference on Animal production in Southeast Asia: Current status and Future. Vietnam National University of Agriculture, July 2017, pages 127-131	2017
2.	Utilisation of Rice Distiller's By-product for swine Production in Northern Vietnam	Oanh NGUYEN CONG , Dang Pham Kim, Luc Do Duc, Jérôme Bindelle, Ton Vu Dinh, Jean-Luc Hornick	Proceedings of international conference on Agriculture development in the context of international integration: opportunities and challenges, Vietnam National University of Agriculture, December 2016, pages 79-88	2017
3.	Application of discrete choice experiment to assess farmers' willingness to report swine diseases in the Red River Delta region, Vietnam	Hoa T.T. Pham, Marisa Peyre, Tuyen Quang Trinh, Oanh CONG NGUYEN , Ton Dinh Vu, Theera Rukkamsuk, Nicolas Antoine-Moussiaux	Journal of Preventive Veterinary Medicine, Vol.138, 2017; pages 28-36. DOI: 10.1016/j.prevetmed.2017.01.002	2017
4.	Đánh giá tiềm năng bã rượu làm thức ăn chăn nuôi lợn nông hộ tại ba tỉnh phía Bắc	Nguyễn Công Oánh , Phạm Kim Đăng, Vũ Đình Tôn, Hornick Jean-Luc	Tạp chí Khoa học và Phát triển 2016, tập 14, số 1, trang 79-86	2016
5.	Đánh giá tiềm năng sử dụng phụ phẩm ngành rượu còn để sản xuất thức ăn chăn nuôi tại Việt Nam	Từ Việt Phú, Phạm Kim Đăng, Nguyễn Công Oánh , Chu Kỳ Sơn	Tạp chí Khoa học và Phát triển 2016, tập 14, số 1, trang 36-45	2016
6.	Ho chicken breed : morpho-biometric characteristics and economic efficiency of	Nguyen Van Duy, Dao Thi Hiep, Bui Huu Doan, Pham Ngoc Thach, Nguyen	Journal of Animal Husbandry Science and Technics No.8, 2015, Pages 73 - 79.	2015

	production	Van Thang, Pham Kim Dang, Nguyen Chi Thanh, NGUYEN CONG Oanh , Ha Xuan Bo, Do Duc Luc and Vu Dinh Ton.		
7.	Risk of Introduction in Northern Vietnam of HPAI Viruses from Chia: Description, Patterns and Drivers of Illegal Poultry Trade	S. Desvaux, C. O. Nguyen , D. T. Vu, C. Henriquez, V. D. Ky, F. Roger, S.Fenwick and F. Goutard	Transboundary and Emerging Diseases. Article first published online: 30 SEP 2014 DOI: 10.1111/tbed.12279	2014
8.	Tiêu hóa <i>In vitro</i> các chất dinh dưỡng trong chuỗi tiêu và tiêu hóa <i>In vivo</i> , hiệu quả sử dụng Nitơ của khẩu phần ăn có quả chuỗi xanh và chín ở lợn	Nguyễn Công Oánh , Trần Hiệp, Lê Hữu Hiếu, J. Bindelle, A. Thewis và Vũ Đình Tôn	Tạp chí KHKT Chăn nuôi, số 8-2013; trang 9-19.	2013
9.	Hiện trạng sử dụng và giá trị dinh dưỡng một số loại thức ăn xanh dùng nuôi lợn trong nông hộ ở miền Bắc Việt Nam	Trần Hiệp, Đỗ Thị Huế, Nguyễn Văn Duy, Nguyễn Công Oánh , Lê Hữu Hiếu, Hà Xuân Bộ J. Bindelle, A. Thewis và Vũ Đình Tôn	Tạp chí KHKT Chăn nuôi, số 8-2013; trang 19-28.	2013
10.	Khả năng sinh trưởng, năng suất và chất lượng thân thịt của lợn Bản và lợn lai F1 (Móng cái x Bản) nuôi tại tỉnh Hòa Bình	Vũ Đình Tôn, Nguyễn Công Oánh , Nguyễn Thị Huyền, Nguyễn Văn Duy, Lê Hữu Hiếu và Nguyễn Văn Thắng	Tạp chí Khoa học và Phát triển - Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội, Tập 10, số 7/2012 ; trang 1000-1007.	2012
11.	Khả năng sản xuất của các tổ hợp lợn lai giữa nái F ₁ (Yorshire x Mong Cai) với đực giống Duroc, Landrace và F ₁ (Landrace x Yorshire) nuôi tại Bắc Giang	Vũ Đình Tôn, Nguyễn Công Oánh	Tạp chí Khoa học và Phát triển - Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội, Tập 8, số 2/2010 ; trang 296-276.	2010
12.	Năng suất sinh sản, sinh trưởng và chất lượng thân thịt của các tổ hợp lợn lai giữa nái F ₁ (Landrace x Yorshire) với đực giống Duroc và Landrace nuôi tại Bắc Giang	Vũ Đình Tôn, Nguyễn Công Oánh	Tạp chí Khoa học và Phát triển - Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội, Tập 8, số 1/2010 ; trang 106-113	2010
13.	Khảo sát một số chỉ tiêu chất lượng thịt trâu bò	Đỗ Đức Lực, Nguyễn Chí Thành, Nguyễn Hoàng Thịnh,	Tạp chí Khoa học và Phát triển - Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội, Tập VII, số 1/2009 ; trang	2009

		Nguyễn Công Oánh, Phan Văn Chung và Đặng Vũ Bình	17-24.	
14.	High Pathrogenic Avian Influenza in Poultry Production System in Vietnam: Tentative Approach for an HACCP-like risk scoring Methodology	C. Le Bas, Phan Dang Thang, S.Desvaux, Nguyen Van Duy, Nguyen Cong Oanh, Han Quang Hanh, J. F. Renard and Vu Dinh Ton	Proceedings of the PRISE Scientific Committee Thursday 4 th December 2008. Hanoi. Agricultural Publishing House. Page 15-23	2009
15.	Năng suất và chất lượng thịt của lợn lai 3-4 giống nuôi tại một số trang trại tỉnh Hải Dương	Vũ Đình Tôn, Nguyễn Công Oánh, Phạm Thị Đào	The 13th Animal Science Congress of Asian-Australasian Association of Animal Production Societies, Sept. 22-26, 2008 – Hanoi, Vietnam; Page 147.	2008
16.	Năng suất sinh sản của một số tổ hợp lợn lai giữa nái lai F ₁ (Landrace x Yorkshire) với đực giống Landrace, Duroc và (Pietrain x Duroc)	Vũ Đình Tôn, Phan Văn Chung, Nguyễn Văn Duy, Nguyễn Công Oánh	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển nông thôn- Bộ Nông nghiệp và PTNT. Số 11-Tháng 11/2008. Trang 58-61.	2008
17.	Năng suất và chất lượng thịt của các tổ hợp lai giữa nái lai F ₁ (Yorkshire x Móng Cái) phối với đực giống Landrace, Duroc và (Pietrain x Duroc)	Đặng Vũ Bình, Vũ Đình Tôn, Nguyễn Công Oánh	Tạp chí Khoa học và Phát triển- TĐHNN Hà Nội. Tập 6, số 5. Trang 418-424	2008
18.	Kết quả nuôi vỗ béo, chất lượng thân thịt của các tổ hợp lợn lai giữa nái F ₁ (Landrace x Yorkshire) với đực giống Landrace, Duroc và (Pietrain x Duroc)	Vũ Đình Tôn, Phan Văn Chung, Nguyễn Văn Duy, Nguyễn Công Oánh	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển nông thôn- Bộ Nông nghiệp và PTNT. Số 7-Tháng 7/2008. Trang 58-62	2008
19.	Năng suất sinh sản của nái lai F ₁ (Yorkshire x Móng Cái) phối với đực giống Landrace, Duroc và (Pietrain x Duroc)	Đặng Vũ Bình, Vũ Đình Tôn, Nguyễn Công Oánh	Tạp chí Khoa học và Phát triển- TĐHNN Hà Nội. Tập VI, số 4/2008. Trang 326-330	2008
20.	Quy mô và đặc điểm các trang trại chăn nuôi lợn ở 3 tỉnh Hưng Yên, Hải Dương và Bắc Ninh	Vũ Đình Tôn, Đặng Vũ Bình, Võ Trọng Thành, Nguyễn Văn Duy, Nguyễn Công Oánh	Tạp chí khoa học kỹ thuật nông nghiệp - Trường Đại học nông nghiệp I Hà Nội, tập 5 số 4 /2007, trang 44-49.	2007

13. Số lượng văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng đã được cấp (nếu có)

TT	Tên và nội dung văn bằng	Năm cấp văn bằng
1		
2		

14. Số công trình được áp dụng trong thực tiễn (nếu có)

TT	Tên công trình	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Thời gian (bắt đầu - kết thúc)
1	Thử nghiệm giun quế làm thức ăn bổ sung cho lợn con sau cai sữa	Chăn nuôi nông hộ tại xã Cẩm Hoàng, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương	2006
2	Biện pháp kỹ thuật tổng hợp nhằm nâng cao năng suất, chất lượng thịt và hiệu quả chăn nuôi lợn cho các trang trại quy mô nhỏ thuộc vùng đồng bằng Sông Hồng	Chăn nuôi trang trại với 3 quy mô (dưới 10 nái, từ 10-30 nái và từ trên 30 nái), áp dụng tại các trại chăn nuôi của 3 tỉnh Hưng Yên, Hải Dương và Bắc Ninh	2006-2008
3	Ứng dụng công nghệ chăn nuôi lợn siêu nạc theo phương thức công nghiệp, tạo giống lợn “bố, mẹ” phục vụ phát triển chăn nuôi tại tỉnh Yên Bái	Chăn nuôi theo hướng công nghiệp, quy mô đàn ông bà 200 nái, đàn bố mẹ 600 nái, công ty Hòa Bình Minh tỉnh Yên Bái	2007-2010
4	Xây dựng mô hình chăn nuôi lợn nạc tại một số huyện miền núi tỉnh Bắc Giang	Chăn nuôi nông hộ, quy mô nhỏ, tại 2 huyện Lục Ngạn và Lục Nam tỉnh Bắc Giang	2008-2009
5	Thử nghiệm mô hình chăn nuôi lợn hướng nạc tại một số xã xung quanh thị xã Tuyên Quang	Chăn nuôi nông hộ, quy mô nhỏ, tại 3 xã Tân Long, An Khang và Lương Vượng huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	2009-2010
6	Sử dụng lợn đực Móng Cái để nâng cao sức sản xuất của lợn Bản tại Hòa Bình	Chăn nuôi nông hộ, quy mô nhỏ, tại xã Độc Lập, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình	2010-2011
7	Ứng dụng khoa học công nghệ nuôi lợn siêu nạc theo phương thức công nghiệp, phát triển đàn giống lợn bố mẹ tỉnh Hòa Bình	Chăn nuôi theo hướng công nghiệp, quy mô đàn ông bà 55 nái, đàn bố mẹ 200 nái, công ty TNHH MTV Hà Phương, huyện Yên Thủy tỉnh Hòa Bình	2012-2014

15. Các đề tài, dự án, nhiệm vụ khác đã chủ trì hoặc tham gia

TT	Tên đề tài, dự án, nhiệm vụ khác đã tham gia	Thời gian (bắt đầu - kết thúc)	Thuộc Chương trình (nếu có)	Tình trạng đề tài (đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu)
1.	Dự án “Nghiên cứu áp dụng công nghệ chọn lọc bằng chỉ thị phân tử nhằm nâng cao năng suất sinh sản của lợn nái Landrace và Yorkshire”	2015-2017	Bộ Nông nghiệp và PTNT	Đã nghiệm thu
2.	Đề tài “Xây dựng và phát triển mô hình nuôi lợn thịt chất lượng cao từ các tổ hợp lai giữa nái F ₁ (YMC), F ₁ (YMS) với đực PiDu25 và PiDu50 trên địa bàn tỉnh Hải Dương”	2015-2016	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hải Dương	Đã nghiệm thu
3.	<i>Promoting appropriate technology for smallholders to increase food security among indigenous peoples in Cambodia and Lao PDR</i>	2012-2015	HTQT	Đã nghiệm thu
4.	Đề tài “Surveillance of zoonoses and emerging infectious diseases in swine » dans le cadre du program Surveillance of Swine Infectious Diseases (SWEID) aux Vietnam et Laos”.	2013-2015	HTQT	Đang thực hiện
5.	Chương trình “Evaluation of the SNV programme 2007-2011 – Biogas programme Viet Nam”	2013	SNV	Đã nghiệm thu
6.	Đề tài “Ứng dụng khoa học công nghệ nuôi lợn siêu nạc theo phương thức công nghiệp, phát triển đàn giống lợn bố mẹ tỉnh Hòa Bình”	2012-2014	Chương trình NTMN-Bộ Khoa học & Công nghệ	Đã nghiệm thu
7.	Đề tài “Chọn lọc nhằm bảo tồn bền vững giống gà Hồ”	2012-2015	HTSP	Đang thực hiện
8.	Đề tài “Technical and socio-economic factors of Biogas systems by livestock farming households in the North of Viet Nam”	2012	SUSANE	Đã nghiệm thu
9.	Đề tài “Đánh giá sức sản xuất và hoàn thiện quy trình chăn nuôi lợn đực Piétrain ReHal và PiDu” (Đề tài nhánh của Dự án Nhân giống lợn chất lượng cao)	2011-2012	Bộ Giáo dục và đào tạo; bộ Nông nghiệp và PTNT	Đã nghiệm thu
10.	Evaluation du potentiel et l’efficacité des aliments locaux pour améliorer la santé du système digestif et la croissance des porcs au Nord –Vietnam	2010-2012	HTQT (Cộng đồng chung Châu Âu)	Đã nghiệm thu
11.	Đề tài “Sử dụng lợn đực Móng Cái để nâng cao sức sản xuất của lợn Bản tại Hòa Bình”	2010-2011	B2010-11-172 (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Đã nghiệm thu

12.	Đề tài “Thử nghiệm mô hình chăn nuôi lợn hướng nạc tại một số xã xung quanh thị xã Tuyên Quang”	2009-2010	HTQT (DA Việt – Bỉ)	Đã nghiệm thu
13.	Đề tài: “Phân tích và mô hình hoá nguy cơ truyền lan virus cúm trong cơ sở CN gia cầm và chăn nuôi lợn”	2009	HTQT (CIRAD)	Đã nghiệm thu
14.	Đề tài “Xây dựng mô hình chăn nuôi lợn nạc tại một số huyện miền núi tỉnh Bắc Giang”	2008-2009	B2008-11-84 (ĐT trọng điểm cấp bộ)	Đã nghiệm thu
15.	Đề tài “Sinh thái học và Dịch tễ học bệnh Cúm gia cầm ở các nước đang phát triển”	2008	HTQT (CIRAD)	Đã nghiệm thu
16.	Dự án “ứng dụng công nghệ chăn nuôi lợn siêu nạc theo phương thức công nghiệp, tạo giống lợn “bô, mẹ” phục vụ phát triển chăn nuôi tại tỉnh Yên Bái”	2007-2010	Chương trình NTMN-Bộ Khoa học & Công nghệ	Đã nghiệm thu
17.	Dự án “Biện pháp kỹ thuật tổng hợp nhằm nâng cao năng suất, chất lượng thịt và hiệu quả chăn nuôi lợn cho các trang trại quy mô nhỏ thuộc vùng đồng bằng Sông Hồng”	2006-2008	Bộ Khoa học và Công nghệ	Đã nghiệm thu (Mức B-Khá)
18.	Dự án “Nghiên cứu khả thi nhằm tăng cường hoạt động xuất khẩu công bằng giữa Việt Nam và Cộng đồng chung châu Âu”	2006-2007	HTQT (Dự án do Cộng đồng chung châu Âu tài trợ)	Đã nghiệm thu
19.	Dự án “Xây dựng Quỹ tín dụng hiệp hội để phát triển chăn nuôi nhằm cải thiện điều kiện kinh tế của các hộ nông dân nghèo tại xã Cẩm Hoàng, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương”	2006-2007	HTQT (ĐSQ Luxembourg tài trợ)	Đã nghiệm thu
20.	Dự án “Xây dựng Quỹ tín dụng hiệp hội để phát triển chăn nuôi nhằm cải thiện điều kiện kinh tế của các hộ nông dân nghèo tại xã An Khang, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang”	2006-2007	HTQT (ĐSQ Luxembourg tài trợ)	Đã nghiệm thu
21.	Dự án “Xây dựng Quỹ tín dụng hiệp hội để phát triển chăn nuôi nhằm cải thiện điều kiện kinh tế của các hộ nông dân nghèo tại xã Lương Vượng, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang”	2005-2006	HTQT (ĐSQ Luxembourg tài trợ)	Đã nghiệm thu
22.	Đề tài “Thử nghiệm giun quế làm thức ăn bổ sung cho lợn con sau cai sữa”	2006	Đề tài Việt-Bỉ	Đã nghiệm thu
23.	Đề tài “Điều tra tình hình kinh tế xã hội vùng nông thôn ở miền Bắc Việt Nam”	2005-2006	Đề tài Việt-Bỉ	Đã nghiệm thu
24.	Dự án “Củng cố mạng lưới thú y cơ sở thông qua đào tạo cán bộ thú y”	2005	HTQT (ĐSQ Luxembourg tài trợ)	Đã nghiệm thu
25.	Dự án “Xây dựng quỹ tín dụng hiệp hội nhằm cải thiện điều kiện kinh tế các hộ nghèo thông qua phát triển chăn nuôi tại xã Tân Long, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang”.	2004-2005	HTQT (ĐSQ Luxembourg tài trợ)	Đã nghiệm thu

16. Giải thưởng (nếu có)

TT	Hình thức và nội dung giải thưởng	Năm tặng thưởng
1	Bằng khen của chủ tịch Tỉnh Attapeu-Lào cho vị trí chuyên gia về lĩnh vực <i>Chăn nuôi-Thủy sản</i> trong khuôn khổ Dự án “ <i>Promoting appropriate technology for smallholders to increase food security among indigenous peoples in Cambodia and Lao PDR</i> ” do kinh phí được tài trợ bởi Cộng đồng chung Châu Âu	19/01/2015

17. Thành tựu hoạt động KH&CN và sản xuất kinh doanh khác (nếu có):

.....
.....

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người khai
(Ký tên)

Nguyễn Công Oánh